

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 38



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1 - TNHH Một thành viên trình bày Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị phụ thuộc đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TỔNG CÔNG TY

Tiền thân của Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1 - TNHH Một thành viên (gọi tắt là Tổng Công ty) là Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1, được thành lập theo Quyết định số 90/TTg ngày 07/3/1994 và Quyết định số 997/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1 là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật doanh nghiệp Nhà nước.

Theo Quyết định số 2438/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1 được chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Nhà nước được đăng ký lại lần thứ nhất của Tổng Công ty số 4106000303 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/9/2006.

Theo Quyết định số 614/QĐ-BXD ngày 10/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Công ty mẹ - Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1 được chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty TNHH Một thành viên, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật doanh nghiệp.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên mã số doanh nghiệp: 0300402493, đăng ký thay đổi lần thứ 4 đã được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 02 năm 2013.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN, KIỂM SOÁT VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng thành viên

Các thành viên của Hội đồng thành viên Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ông Vũ Trọng Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Dũng	Ủy viên
Bà Ngô Thị Việt Hoa	Ủy viên

Kiểm soát viên

Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm Kiểm soát viên

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Đức Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Huỳnh Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đặng Nam Liên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Đình Thuần	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm tháng 03 năm 2013)

CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội
Công ty Địa ốc Fico
Công ty Thương mại Vật liệu Xây dựng Fico
Công ty Cát Cam Ranh Fico
Xí nghiệp khai thác đá Thống Nhất

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đã được thuyết minh trong Báo cáo tài chính hay chưa;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Đức Dũng
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 05 năm 2013

Số: 373 /2013/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁNVề Báo cáo tài chính năm 2012 của Văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị phụ thuộc
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - TNHH Một thành viên**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - TNHH Một thành viên**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với các Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính chủ yếu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 07 tháng 05 năm 2013 của Văn phòng Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - TNHH Một thành viên và các đơn vị phụ thuộc (gọi tắt là "Tổng Công ty") được trình bày từ trang 05 đến trang 38 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Như đã trình bày ở Thuyết minh số 2 và 4 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính kèm theo được lập chỉ nhằm phản ánh tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Đây là Báo cáo tài chính riêng, nên Tổng Công ty đã hạch toán các khoản đầu tư vào Công ty con và Công ty liên doanh, liên kết theo phương pháp giá gốc.



Nguyễn Quốc Dương
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1382/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà Nội, ngày 7 tháng 5 năm 2013

Nguyễn Tiến Trình
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1806/KTV

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.073.237.126.256	999.522.923.368
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	122.923.985.409	53.422.260.200
1. Tiền	111		41.474.545.755	13.793.915.876
2. Các khoản tương đương tiền	112		81.449.439.654	39.628.344.324
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		9.054.000.000	21.554.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5.2	9.054.000.000	21.554.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		586.866.403.866	493.145.538.356
1. Phải thu khách hàng	131		386.725.795.749	220.603.765.165
2. Trả trước cho người bán	132		91.117.819.010	146.493.988.428
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	152.401.485.104	160.822.370.413
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(43.378.695.997)	(34.774.585.650)
IV- Hàng tồn kho	140	5.4	331.737.590.465	398.150.686.245
1. Hàng tồn kho	141		332.763.885.503	403.401.698.255
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.026.295.038)	(5.251.012.010)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		22.655.146.516	33.250.438.567
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	708.858.095	434.964.101
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		17.867.935.667	14.647.106.112
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		307.049	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	4.078.045.705	18.168.368.354
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		827.654.768.890	728.369.507.975
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		38.885.971.606	28.176.595.637
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	31.591.950.744	20.917.780.094
- Nguyên giá	222		70.975.318.876	54.948.650.887
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(39.383.368.132)	(34.030.870.793)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	6.297.233.292	6.809.880.552
- Nguyên giá	228		9.665.448.941	9.665.448.941
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.368.215.649)	(2.855.568.389)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	996.787.570	448.934.991
III. Bất động sản đầu tư	240		25.239.602.138	9.980.950.157
1. Nguyên giá	241		26.844.609.958	10.832.417.430
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.605.007.820)	(851.467.273)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		700.901.690.661	625.822.810.975
1. Đầu tư vào công ty con	251	5.10	479.071.495.390	418.116.159.194
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	5.11	237.162.827.129	230.503.685.129
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.12	39.134.419.939	38.600.459.939
4. Dự phòng giảm giá ĐTTTC dài hạn	259	5.13	(54.467.051.797)	(61.397.493.287)
V. Tài sản dài hạn khác	260		62.627.504.485	64.389.151.206
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.14	61.667.614.500	63.733.731.206
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.15	959.889.985	655.420.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.900.891.895.146	1.727.892.431.343

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MẪU B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.22	2.245.394.727.385	2.372.795.998.849
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.22	2.349.101.997	3.748.532.436
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.22	2.243.045.625.388	2.369.047.466.413
4. Giá vốn hàng bán	11	5.23	2.121.096.691.021	2.254.253.180.546
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		121.948.934.367	114.794.285.867
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.24	44.110.867.108	73.916.592.233
7. Chi phí tài chính	22	5.25	20.159.161.830	57.111.806.446
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>23.852.619.330</i>	<i>17.383.672.874</i>
8. Chi phí bán hàng	24	5.26	41.660.464.079	46.313.637.364
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.27	79.251.880.986	95.475.563.499
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		24.988.294.580	(10.190.129.209)
11. Thu nhập khác	31	5.28	23.728.016.761	67.914.923.108
12. Chi phí khác	32	5.28	3.317.284.984	12.629.637.668
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.28	20.410.731.777	55.285.285.440
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		45.399.026.357	45.095.156.231
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.29	3.679.641.573	405.332.169
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		41.719.384.784	44.689.824.062



Nguyễn Đức Dũng
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 05 năm 2013

Đào Quang Sơn
Kế toán trưởng

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

MẪU B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	45.399.026.357	45.095.156.231
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	2	7.473.611.258	8.734.845.607
- Các khoản dự phòng	3	1.673.668.857	43.020.934.834
- Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(29.795.218.225)	(65.893.746.759)
- Chi phí lãi vay	6	23.852.619.330	17.383.672.874
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	8	48.603.707.577	48.340.862.787
- Tăng/giảm các khoản phải thu	9	(182.087.326.282)	36.930.211.830
- Tăng/giảm hàng tồn kho	10	51.155.262.949	(54.141.421.607)
- Tăng/giảm các khoản phải trả	11	102.370.395.255	(72.933.401)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	1.792.222.712	2.720.452.220
- Tiền lãi vay đã trả	13	(20.363.546.270)	(16.513.922.111)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.037.432.544)	(11.736.869.517)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	15.716.031.067	18.421.600.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.785.294.135)	(17.103.243.795)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.364.020.329	6.844.736.406
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(5.552.727.420)	(3.894.284.837)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	512.363.636	-
4. Tiền thu hồi cho vay, tiền gửi	24	3.050.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.133.960.000)	(32.720.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.766.896.733	28.544.080.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8.116.096.562	24.105.587.957
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	7.758.669.511	16.035.383.120
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.015.653.042.443	749.998.530.769
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(967.274.007.074)	(760.669.871.355)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	48.379.035.369	(10.671.340.586)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	69.501.725.209	12.208.778.940
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	53.422.260.200	41.248.670.893
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(35.189.633)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	122.923.985.409	53.422.260.200

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 22 tỷ đồng là số tiền tạm ứng cổ tức từ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Bách Việt. Số tiền này được bù trừ vào khoản công nợ phải trả của Tổng Công ty. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Nguyễn Đức Dũng
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 05 năm 2013

Đào Quang Sơn
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tiền thân của Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1 - TNHH Một thành viên là Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1, được thành lập theo Quyết định số 90/TTg ngày 07/3/1994 và Quyết định số 997/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1 là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật doanh nghiệp Nhà nước.

Theo Quyết định số 2438/QĐ-BXD ngày 30/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1 được chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Nhà nước được đăng ký lại lần thứ nhất của Tổng Công ty số 4106000303 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/9/2006.

Theo Quyết định số 614/QĐ-BXD ngày 10/06/2010 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Công ty mẹ - Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1 được chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty TNHH Một thành viên, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật doanh nghiệp.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên mã số doanh nghiệp: 0300402493, đăng ký thay đổi lần thứ 4 đã được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 02 năm 2013.

Tên tiếng Việt:	Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1 - TNHH Một thành viên
Tên giao dịch quốc tế:	Building Materials Corporation No. 1 Company Limited
Tên viết tắt:	FICO Co., Ltd

Trụ sở của Tổng Công ty đặt tại số 111A Pasteur (tầng 15), phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chủ yếu

- Sản xuất kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại sản phẩm vật liệu xây dựng;
- Xây dựng, kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn xây dựng;
- Khai thác và chế biến khoáng sản.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

1. Chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội
2. Công ty Địa ốc Fico
3. Công ty Thương mại Vật liệu Xây dựng Fico
4. Công ty Cát Cam Ranh Fico
5. Xí nghiệp khai thác đá Thống Nhất

ĐƯỢC
CƠ
HỢP
KIỂM
VIỆT
SIÊU

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính này được lập để trình bày tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và kết quả kinh doanh riêng cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty; vì thế, Tổng Công ty không thực hiện hợp nhất các khoản đầu tư vào Công ty con và Công ty liên doanh liên kết trong Báo cáo tài chính riêng này. Chính sách kế toán đối với khoản đầu tư của Tổng Công ty được trình bày chi tiết trong Thuyết minh số 4 dưới đây.

Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 179 đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại thuyết minh số 4.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính:

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính ngắn và dài hạn.

Công nợ tài chính:

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả nhà cung cấp và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có khả năng thanh khoản cao có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng hoặc ít hơn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ

Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào tại ngày này do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn từ 6 tháng trở lên so với thời hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, các cam kết nợ hoặc được trích lập cho các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản, hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho do lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Đối với các công trình xây dựng

Các công trình xây dựng là các chung cư do Tổng Công ty đầu tư xây dựng để bán hoặc các công trình do Tổng Công ty đầu tư xây dựng cùng với các đối tác khác để bán được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc các công trình xây dựng bao gồm các chi phí để có được quyền sử dụng đất, chi phí trả cho các nhà thầu xây dựng, chi phí thiết kế, giám sát và các chi phí cần thiết khác để có được công trình sẵn sàng đưa vào sử dụng. Tổng số giá vốn của công trình xây dựng sẽ được xác định chính thức khi công trình xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng và đã có quyết toán chi phí đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

Nhóm tài sản

Thời gian khấu hao

	(Năm)
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 - 13
Máy móc, thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, mỏ đá và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm Khu thương mại - dịch vụ Chung cư Vạn Đô và Chung cư Horizon, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Tổng Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản đầu tư vào Công ty con

Đầu tư vào Công ty con là khoản đầu tư mà thông qua đó, bên đầu tư nắm giữ quyền kiểm soát đối với bên nhận đầu tư. Phần vốn góp của Công ty mẹ vào Công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính của công ty mẹ. Các khoản lợi nhuận từ hoạt động của công ty con được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của Công ty mẹ khi có quyết định chính thức về việc phân chia lợi nhuận của Hội đồng Quản trị (hoặc đại hội đồng cổ đông) công ty con. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một Công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Tại Báo cáo riêng của Tổng Công ty, khoản đầu tư vào Công ty liên kết được phản ánh theo giá gốc. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào doanh nghiệp khác mà Tổng Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% vốn chủ sở hữu (dưới 20% quyền biểu quyết) và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Giá trị khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác là dự phòng tổn thất do giảm giá các khoản đầu tư dài hạn hoặc do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng giảm các khoản đầu tư tài chính thực hiện theo Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn, trong đó có trình bày khoản tiền thuê trụ sở của Tổng Công ty đặt tại số 111A Pasteur (tầng 15), phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 36 năm.

Các khoản phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ Báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập, chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Tổng Công ty, các công ty con của Tổng Công ty, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Tổng Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN,
 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền mặt	2.536.000.828	2.444.251.338
Tiền gửi ngân hàng	38.938.544.927	11.349.664.538
Các khoản tương đương tiền	81.449.439.654	39.628.344.324
Tổng	122.923.985.409	53.422.260.200

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ở các Ngân hàng thương mại có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 13%/năm - 14%/năm.

5.2 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	-	3.050.000.000
Tiền cho Công ty Cổ phần Bê tông Fico Pan - United vay	9.054.000.000	18.504.000.000
Tổng	9.054.000.000	21.554.000.000

5.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Cổ phần Vitaly	28.238.971.950	29.238.971.950
Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai	38.981.953.999	38.981.953.999
Công ty Cổ phần sứ Thiên Thanh	34.479.149.674	34.979.149.674
Công ty Đầu tư Xây dựng Tân Bách Việt	22.935.400.945	22.935.400.945
Dự án 214 Trần Quang Khải	-	5.685.299.610
Phải thu Dự án KDC Vitaly và KP4	5.118.888.000	5.118.888.000
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	256.698.636	4.556.698.636
Công ty TNHH Căn hộ Vườn phố Việt Nam	4.148.997.475	4.148.997.475
Công ty Cổ phần Havali - Fico	5.234.348.069	4.054.727.401
Công ty Cổ phần Phước Hòa Fico	2.385.305.833	2.485.305.833
Công ty Cổ phần Vitaly (Tiền bán cổ phần)	2.130.513.493	2.130.513.493
Trường Trung cấp nghề Công nghiệp và Xây dựng Fico	1.773.000.000	1.773.000.000
Công ty Trường An	1.689.603.471	1.689.603.471
Phải thu Công ty Mía đường vốn góp đầu tư	1.375.748.736	-
Công ty RC - Tiền thu chênh lệch	980.164.815	-
Chung cư Trần Quang Khải	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Sài Gòn Secoin (Terrazzo)	-	390.765.611
Khác	2.672.740.008	2.653.094.315
Tổng	152.401.485.104	160.822.370.413

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.4 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	10.332.182.132	1.142.533.880
Công cụ dụng cụ	527.061.368	314.435.892
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	204.644.128.692	251.952.861.119
Thành phẩm	2.453.473.077	1.261.790.587
Hàng hoá	107.967.062.246	148.707.866.145
Hàng gửi đi bán	21.796.170	22.210.632
Hàng hóa bất động sản	6.818.181.818	-
Tổng	332.763.885.503	403.401.698.255
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.026.295.038	5.251.012.010
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	331.737.590.465	398.150.686.245

5.5 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	504.289.366	434.964.101
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	204.568.729	-
Tổng	708.858.095	434.964.101

5.6 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	2.219.606.089	-
Tạm ứng	1.686.189.616	2.280.087.287
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	172.250.000	15.888.281.067
Tổng	4.078.045.705	18.168.368.354

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Mẫu B 09 - DN

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng	Đơn vị: VND
Số dư tại 01/01/2012	20.670.135.588	17.586.551.311	15.052.994.767	1.638.969.221	54.948.650.887	
Tăng trong năm	12.826.217.845	111.165.750	4.851.090.909	42.618.182	17.831.092.686	
Mua trong năm	12.826.217.845	67.252.500	4.851.090.909	42.618.182	17.787.179.436	
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	43.913.250	-	-	43.913.250	
Giảm trong năm	-	919.359.697	871.065.000	14.000.000	1.804.424.697	
Thanh lý, nhượng bán	-	165.000.000	871.065.000	14.000.000	1.050.065.000	
Giảm khác	-	754.359.697	-	-	754.359.697	
Số dư tại 31/12/2012	33.496.353.433	16.778.357.364	19.033.020.676	1.667.587.403	70.975.318.876	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2012	10.102.076.103	11.650.808.526	10.933.925.750	1.344.060.414	34.030.870.793	
Tăng trong năm	1.536.486.880	2.181.979.881	2.312.360.148	176.596.542	6.207.423.451	
Khấu hao trong năm	1.536.486.880	2.181.979.881	2.312.360.148	176.596.542	6.207.423.451	
Giảm trong năm	-	19.250.000	825.565.000	10.111.112	854.926.112	
Thanh lý, nhượng bán	-	19.250.000	825.565.000	10.111.112	854.926.112	
Số dư tại 31/12/2012	11.638.562.983	13.813.538.407	12.420.720.898	1.510.545.844	39.383.368.132	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2012	10.568.059.485	5.935.742.785	4.119.069.017	294.908.807	20.917.780.094	
Tại 31/12/2012	21.857.790.450	2.964.818.957	6.612.299.778	157.041.559	31.591.950.744	
		31/12/2012	01/01/2012			
		VND	VND			
		17.398.563.154	14.719.541.153			

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: VND

	Quyền sử dụng đất và các mô	Tài sản khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2012	9.350.921.110	314.527.831	9.665.448.941
Số dư tại 31/12/2012	9.350.921.110	314.527.831	9.665.448.941
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2012	2.672.093.825	183.474.564	2.855.568.389
Khấu hao trong năm	460.225.956	52.421.304	512.647.260
Số dư tại 31/12/2012	3.132.319.781	235.895.868	3.368.215.649
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2012	6.678.827.285	131.053.267	6.809.880.552
Tại 31/12/2012	6.218.601.329	78.631.963	6.297.233.292

5.9 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chung cư 17 Hồ Hào Hớn	56.375.017	140.937.541
Sửa chữa máy móc ở Nhà máy cán kéo	-	307.997.450
Máy chế đá thủy lực	171.800.000	-
Dây chuyền tuyển rửa	768.612.553	-
Tổng	996.787.570	448.934.991

5.10 ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Cổ phần Xi Măng Fico Tây Ninh (*)	434.955.336.196	374.000.000.000
Công ty Cổ phần Phước Hòa Fico	24.843.992.000	24.843.992.000
Công ty Cổ phần CKXD Tân Định - Fico	19.272.167.194	19.272.167.194
Tổng	479.071.495.390	418.116.159.194

(*) Căn cứ Nghị quyết Hội đồng thành viên Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1 - TNHH Một thành viên số 48/NQ-HĐTV ngày 10/10/2012 về việc phê duyệt chủ trương chuyển khoản nợ phải thu thành vốn góp tại Công ty Cổ phần Xi măng FICO Tây Ninh với số tiền là 60.955.336.196 đồng.

Thông tin đối tượng đầu tư:

Stt	Chi tiết đối tượng góp vốn	Vốn điều lệ	Giá trị góp vốn tính theo mệnh giá	Tỷ lệ sở hữu	Đơn vị tính: VND
					Giá trị góp vốn tại 31/12/2012
1	Công ty Cổ phần Xi Măng Fico Tây Ninh	750.000.000.000	451.750.000.000	60%	434.955.336.196
2	Công ty Cổ phần Phước Hòa Fico	25.000.000.000	18.466.660.000	74%	24.843.992.000
3	Công ty Cổ phần CK XD Tân Định - Fico	30.000.000.000	19.272.167.194	64%	19.272.167.194
	Tổng	805.000.000.000	489.488.827.194		479.071.495.390

Chi tiết các khoản đầu tư:

Mã CP	Đối tượng góp vốn	31/12/2012		01/01/2012	
		Cổ phiếu	VND	Cổ phiếu	VND
	Công ty Cổ phần Xi Măng Fico Tây Ninh	43.495.534	434.955.336.196	37.400.000	374.000.000.000
	Công ty Cổ phần Phước Hòa Fico	1.846.666	24.843.992.000	1.846.666	24.843.992.000
	Công ty Cổ phần CK XD Tân Định - Fico	1.927.216	19.272.167.194	1.927.217	19.272.167.194
	Tổng	47.269.416	479.071.495.390	41.173.883	418.116.159.194

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.11 ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn góp liên doanh	77.280.000.000	81.670.858.000
Công ty TNHH LD XD Chunwo - Fico (1)	-	4.390.858.000
Công ty TNHH Căn hộ Vườn phố Việt Nam	77.280.000.000	77.280.000.000
Đầu tư vào Công ty liên kết	159.882.827.129	148.832.827.129
Công ty Cổ phần Hoá An	35.854.226.000	35.854.226.000
Công ty Cổ phần Vitaly	22.062.000.000	22.062.000.000
Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai	12.442.000.000	12.442.000.000
Công ty Cổ phần Havali - Fico	600.000.000	600.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Fico - Corea	6.700.866.129	6.700.866.129
Công ty TNHH ĐT Xây dựng Tân Bách Việt	22.988.735.000	22.988.735.000
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	25.635.000.000	25.635.000.000
Công ty Cổ phần KS Fico Bình Phước (2)	5.100.000.000	4.100.000.000
Công ty Cổ phần Fico Công nghệ Cao (3)	1.500.000.000	900.000.000
Công ty Cổ phần BT Fico Pan - United (4)	27.000.000.000	17.550.000.000
Tổng	237.162.827.129	230.503.685.129

(1) Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, Tổng Công ty thu hồi khoản đầu tư liên doanh tại Công ty Liên doanh Chunwo - Fico theo Công văn 1131/TCT-TCKT của Tổng Giám đốc gửi đến Hội đồng thành viên của Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1 - TNHH Một thành viên về việc trình phê duyệt kết quả đầu tư góp vốn tham gia liên doanh tại Công ty TNHH Liên doanh Xây dựng CHUNWO - FICO ngày 26/09/2012 và Nghị quyết Hội đồng thành viên của Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1 - TNHH Một thành viên số 47/NQ-HĐTV ngày 26/09/2012 về việc giải thể Công ty TNHH Liên Doanh Xây dựng Chunwo-Fico. Khoản lỗ góp vốn liên doanh sau giải thể là 623.961.267 đồng.

(2) Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, Tổng Công ty tăng vốn góp tại Công ty Cổ phần Khoáng sản Fico Bình Phước theo Nghị quyết Hội đồng thành viên Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - TNHH Một thành viên số 19/NQ-HĐTV về việc góp đủ vốn điều lệ Công ty Cổ phần Khoáng sản Fico Bình Phước (Bifico)

(3) Tổng Công ty góp vốn thêm theo Công văn thông báo góp vốn đợt 2 của Công ty Cổ phần Fico Công nghệ cao với số tiền là 600.000.000 đồng (vốn cam kết của Tổng Công ty là 9.000.000.000 đồng (900.000 cổ phần)) trên tổng vốn điều lệ là 20.000.0000.000 đồng.

(4) Theo Nghị quyết Hội đồng thành viên Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1 - TNHH Một thành viên số 68A/NQ-HĐTV ngày 13/02/2012 về việc phê duyệt chủ trương chuyển đổi một phần vốn cho vay thành vốn góp tại Công ty Cổ phần Bê tông Fico Pan - United với số tiền là 9.450.000.000 đồng của Hợp đồng cho vay ngày 05/07/2011 đã ký giữa Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1 - TNHH Một thành viên; Pan United Resource Pte. Ltd; Pan United Bulk Trade (2010) Pte. Ltd và Công ty Cổ phần Bê tông Fico Pan - United thành vốn góp bổ sung vốn điều lệ của Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1 - TNHH Một thành viên tại Công ty Cổ phần Bê tông Fico Pan - United.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.11 ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH(Tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh:

					<i>Đơn vị tính: VND</i>
Stt	Chi tiết đối tượng góp vốn	Vốn điều lệ	Giá trị cam kết góp vốn	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị góp vốn tại 31/12/2012
1	Công ty TNHH Căn hộ Vườn phố Việt Nam	193.200.000.000	77.280.000.000	40%	77.280.000.000
2	Công ty Cổ phần Hoà An	151.199.460.000	37.583.430.000	25%	35.854.226.000
3	Công ty Cổ phần Vitaly	60.000.000.000	21.600.000.000	36%	22.062.000.000
4	Công ty Cổ phần Gạch ngói Đồng Nai	60.000.000.000	12.278.000.000	20%	12.442.000.000
5	Công ty Cổ phần Havalı - Fico	3.000.000.000	600.000.000	20%	600.000.000
6	Công ty TNHH Xây dựng Fico - Corea	16.010.737.624	6.724.509.802	42%	6.700.866.129
7	Công ty TNHH ĐT XD Tân Bách Việt	79.271.500.000	22.988.735.000	29%	22.988.735.000
8	Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	59.923.480.000	25.635.000.000	43%	25.635.000.000
9	Công ty Cổ phần KS Fico Bình Phước	17.000.000.000	5.100.000.000	30%	5.100.000.000
10	Công ty Cổ phần Fico Công nghệ Cao	20.000.000.000	9.000.000.000	45%	1.500.000.000
11	Công ty Cổ phần Bê tông Fico Pan - United	60.000.000.000	27.000.000.000	45%	27.000.000.000
Tổng					237.162.827.129

5.12 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty Cổ phần VL và XD Gạch Sài Gòn	293.330.739	293.330.739
Ngân hàng PT Nhà Thành phố Hồ Chí Minh	1.609.710.000	1.609.710.000
Công ty Cổ phần Bao Bì và KS Số 1	800.000.000	800.000.000
Công ty Tư vấn Xây dựng Tổng hợp	3.919.979.200	3.919.979.200
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cotec	702.000.000	702.000.000
Công ty CP Khoáng sản Fico Tây Ninh (*)	3.457.500.000	3.457.500.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng	6.750.000.000	6.750.000.000
Công ty Cổ phần ĐT và XD cầu Đồng Nai	3.200.000.000	3.200.000.000
Công ty Cổ phần Sứ Thiên Thanh	5.732.190.000	5.732.190.000
Công ty Cổ phần ĐT CN Sài Gòn Secoin	2.246.750.000	2.246.750.000
Công ty Cổ phần ĐT và KD VL XD Fico	5.639.000.000	5.639.000.000
Công ty Cổ phần BT20 - Cửu Long	533.960.000	-
Công ty CP BT Ly tâm Thủ Đức - Long An	4.250.000.000	4.250.000.000
Tổng	39.134.419.939	38.600.459.939

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư cổ phiếu với tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty dưới 20% vốn điều lệ.

(*) Công ty Cổ phần Khoáng sản và Tư vấn Đầu tư Fico được đổi tên thành Công ty Cổ phần Khoáng sản Fico Tây Ninh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302234766, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 06/02/2012.

**TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.13 DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	13.333.805.766	8.886.650.156
Công ty Cổ phần CKXD Tân Định - Fico	13.333.805.766	8.886.650.156
Đầu tư vào Công ty liên kết	31.686.450.000	43.724.283.373
Công ty Liên doanh Chunwo - Fico	-	1.208.072.873
Công ty Cổ phần Vitaly	19.038.000.000	19.038.000.000
Công ty Cổ phần Havali - Fico	600.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh	12.048.450.000	18.969.900.000
Công ty Cổ phần Hóa An	-	3.908.310.500
Đầu tư dài hạn khác	9.446.796.031	8.786.559.758
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cotec	539.838.000	568.620.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sen Vàng	2.955.453.174	2.177.956.505
Công ty Cổ phần Sứ Thiên Thanh	5.732.190.000	5.732.190.000
Công ty Cổ phần ĐT CN Sài Gòn Secoin	219.314.857	307.793.253
Tổng	54.467.051.797	61.397.493.287

5.14 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền thuê văn phòng	61.667.614.500	63.536.330.091
Sửa chữa văn phòng làm việc	-	88.005.953
Sửa chữa showroom	-	109.395.162
Tổng	61.667.614.500	63.733.731.206

5.15 TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	959.889.985	655.420.000
Tổng	959.889.985	655.420.000

5.16 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
1. Vay tổ chức tín dụng	277.527.185.244	213.648.149.875
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (1)	44.382.553.712	49.515.900.328
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (2)	26.747.765.901	45.534.002.911
Ngân hàng Far East International Bank (3)	62.357.786.555	1.721.136.360
Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam (4)	102.033.729.699	87.877.110.276
Ngân hàng TMCP Phương Nam	-	29.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (VN)(5)	42.005.349.377	-
2. Vay tổ chức khác	-	15.500.000.000
Công ty Cổ phần Hóa An	-	15.500.000.000
Tổng	277.527.185.244	229.148.149.875

- (1) Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 0017/HDDTD2-VIB605/12 ngày 06/02/2012. Khoản vay tín dụng này có thể rút bằng đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ tương đương với số tiền 80.000.000.000 đồng và đáo hạn vào ngày 06 tháng 02 năm 2013. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là hàng tồn kho luân chuyển là thép và vật liệu xây dựng để tại kho của Bên vay hoặc kho thứ ba. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh mặt hàng sắt thép và vật liệu xây dựng khác. Lãi suất áp dụng tại từng thời điểm giải ngân.
- (2) Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bình Thạnh theo Hợp đồng tín dụng số BTH.DN.17280412 ngày 28/04/2012. Khoản vay tín dụng này có thể rút bằng VND hoặc đồng Đô la Mỹ với hạn mức tín dụng ngắn hạn là 150.000.000.000 đồng hoặc 3.000.000 Đô la Mỹ và đáo hạn vào ngày 28 tháng 04 năm 2013. Khoản vay này được đảm bảo bằng 3.000.000 cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Đá Hóa An với tổng mệnh giá 30.000.000.000 đồng, 2.040.000 cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Gạch men Thanh Thanh với tổng mệnh giá 20.400.000.000 đồng, 1.500.000 cổ phiếu vào Công ty Cổ phần Vitaly với tổng mệnh giá 15.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh vật liệu xây dựng. Lãi suất được quy định trong từng Khế ước nhận nợ cụ thể, tiền lãi được trả hàng tháng.
- (3) Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Far East International Bank - Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 121003 ngày 01/05/2012. Khoản vay tín dụng này có thể rút bằng đồng Đô la Mỹ hoặc một khoản tương đương bằng đồng tiền tùy chọn với tổng số tiền vay tối đa 3.000.000 Đô la Mỹ và đáo hạn vào ngày 12 tháng 04 năm 2013. Khoản vay này được đảm bảo chế chấp bằng các khoản phải thu và hàng tồn kho. Mục đích vay: dùng để phát hành Thư bảo lãnh trả ngay và trả chậm và nhu cầu vốn lưu động chung bao gồm cả thanh toán T/T, D/A, D/P để nhập khẩu và mua nguyên vật liệu. Lãi suất được tính theo lãi suất SIBOR hoặc chi phí vốn của ngân hàng cộng với 1.75%/năm.
- (4) Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN- Tp.Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 42/2012/77158 ngày 16 tháng 5 năm 2012. Khoản vay tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam hoặc đồng ngoại tệ với hạn mức tín dụng ngắn hạn là 180.000.000.000 đồng và đáo hạn vào ngày 16 tháng 05 năm 2013. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng, các khoản thu theo hợp đồng kinh tế được ký kết giữa bên vay với đối tác mà bên vay là người thụ hưởng, hàng tồn kho và các tài sản hợp lệ hợp pháp khác của Bên vay theo các hợp đồng cầm cố thế chấp phát sinh sau này. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của ngân hàng trong từng thời kỳ.
- (5) Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) theo Hợp đồng cầm cố số VNM 101007/ DUL ngày 26/07/2010; và theo bản sửa đổi lần thứ 1 ngày 10/09/2012. Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) đồng ý cấp cho Tổng Công ty tổng giá trị tương đương 2.500.000 USD, hiệu lực của thư trên đến ngày 29/04/2015. Khoản vay này được đảm bảo: hàng hóa trong kho số 15 đường 16A, Khu Công nghiệp Biên Hòa 2, phường An Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; Kho số 2B, Khu Công nghiệp Đồng An, huyện Dĩ An, Bình Dương; Lầu 15, tòa nhà Sailing Tower, Số 111A đường Pasteur, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tổng giá trị của các tài sản trong kho tại mọi thời điểm không được thấp hơn 2.500.000. USD.

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.17 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	527.884.654	407.997.779
Thuế xuất, nhập khẩu	497.423.330	183.374.881
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.679.641.574	405.332.170
Thuế thu nhập cá nhân	572.245.743	1.340.669.476
Thuế tài nguyên	361.545.434	264.685.275
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	423.455.100	74.104.637
Các loại thuế khác	367.185	367.185
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	147.517.094	71.921.354
Tổng	6.210.080.114	2.748.452.757

5.18 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Chi phí mua hai sàn căn hộ chung cư Hoàng Diệu	26.517.061.309	26.517.061.309
Chi phí thi công dự án 348 Bến Vân Đồn	499.840.909	6.169.649.489
Chi phí nghĩa vụ tài chính DA 348 Bến Vân Đồn	-	1.818.181.818
Chi phí cung cấp và lắp đặt máy phát điện dự án chung cư 348 Bến Vân Đồn	-	196.710.818
Chi phí thi công xây lắp chung cư Horizon	6.744.774.959	-
Phí bảo lãnh trả Ngân hàng TMCP Á Châu Dự án Tân Uyên	552.000.000	-
	143.212.727	-
Phí vận chuyển, lưu kho, nhập khẩu hàng hóa	2.464.277.978	4.283.240.996
Chi phí khác	232.126.017	-
Tổng	37.153.293.899	38.984.844.430

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.19 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	365.492.656	318.855.117
BHXH, BHYT, BHTN	136.317.083	159.837.769
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	9.942.684.826	9.942.684.826
Công ty Cổ phần Tài trợ Địa ốc RC	9.474.269.405	9.648.243.699
Công ty Cổ phần Hóa An	6.964.611.884	5.120.376.884
Phí bảo trì 2% dự án 214 Trần Quang Khải	8.226.339.152	2.284.706.623
Phí bảo trì chung cư 348 Bến Vân Đồn	739.270.755	-
Phải trả khác	2.563.604.031	2.428.469.572
Tổng	38.412.589.792	29.903.174.490

5.20 PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công ty TNHH ĐT XD Tân Bách Việt (*)	72.670.025.973	101.170.025.973
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.212.631.103	507.101.103
Tổng	73.882.657.076	101.677.127.076

(*) Khoản phải trả cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Tân Bách Việt thể hiện khoản tiền mà Công ty TNHH ĐTXD Tân Bách Việt chuyển cho Tổng Công ty từ việc bán căn hộ thuộc dự án 927 Trần Hưng Đạo mà Tổng Công ty đầu tư.



TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.21 VỐN CHỦ SỞ HỮU

MÃUB 09 - DN

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	Đơn vị: VND
							Tổng
Số dư tại 01/01/2011	703.258.149.257	2.936.785.719	40.711.533.203	19.294.572.105	107.019.134.461	209.842.141.226	1.083.062.315.971
Tăng trong năm	63.488.896.890	-	20.881.983.059	10.701.913.446	48.817.571.100	-	143.890.364.495
Phân phối lợi nhuận	63.488.896.890	-	20.881.983.059	10.701.913.446	-	-	95.072.793.395
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	44.689.824.062	-	44.689.824.062
Phân chia lỗ của Xí nghiệp	-	-	-	-	4.127.744.039	-	4.127.744.039
Khai thác đá Thống Nhất	-	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	2.999	-	2.999
Giảm trong năm	8.316.501.083	1.816.976.175	-	-	109.635.422.461	-	119.768.899.719
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	107.019.134.461	-	107.019.134.461
Chia lãi cho Công tyCP	-	-	-	-	815.940.000	-	815.940.000
Phát triển Sài Gòn	-	-	-	-	1.800.348.000	-	1.800.348.000
Nộp ngân sách	-	-	-	-	-	-	-
Đánh giá lỗ tỷ giá	-	1.816.976.175	-	-	-	-	1.816.976.175
Giảm khác	8.316.501.083	-	-	-	-	-	8.316.501.083
Số dư tại 31/12/2011	758.430.545.064	1.119.809.544	61.593.516.262	29.996.485.551	46.201.283.100	209.842.141.226	1.107.183.780.747
Số dư tại 01/01/2012	758.430.545.064	1.119.809.544	61.593.516.262	29.996.485.551	46.201.283.100	209.842.141.226	1.107.183.780.747
Tăng trong năm	25.351.583.409	-	4.638.950.206	4.207.353.606	41.719.384.784	-	75.917.272.005
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	41.719.384.784	-	41.719.384.784
Phân phối lợi nhuận	25.351.583.409	-	4.638.950.206	4.207.353.606	-	-	34.197.887.221
Giảm trong năm	-	1.119.809.544	-	-	42.073.536.062	-	43.193.345.606
Đánh giá lỗ tỷ giá	-	1.119.809.544	-	-	-	-	1.119.809.544
Trích lập các quỹ (*)	-	-	-	-	42.073.536.062	-	42.073.536.062
Số dư tại 31/12/2012	783.782.128.473	-	66.232.466.468	34.203.839.157	45.847.131.822	209.842.141.226	1.139.907.707.146

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.21 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

(*) Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2011 theo Báo cáo tổng hợp trích quỹ năm 2011 được ký ngày 28/05/2012, chi tiết phân phối quỹ như sau:

- Bổ sung vốn đầu tư chủ sở hữu: 25.351.583.409 đồng.
- Quỹ dự phòng tài chính: 4.207.353.606 đồng.
- Quỹ đầu tư phát triển: 4.638.950.206 đồng.
- Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành: 250.000.000 đồng.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 7.625.648.841 đồng.

Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp

Số dư trình bày tại mục “Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp” là Quỹ hỗ trợ và sắp xếp cổ phần hoá doanh nghiệp Nhà nước của Tổng Công ty. Quỹ này chủ yếu được sử dụng để hỗ trợ phát triển sản xuất đối với các Công ty cổ phần được cổ phần hóa từ các đơn vị thành viên trực thuộc Tổng Công ty trước đây.

5.22 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.100.843.347.584	2.150.215.101.471
Doanh thu kinh doanh bất động sản	109.151.976.702	170.710.605.295
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.399.403.099	51.870.292.083
Tổng	2.245.394.727.385	2.372.795.998.849
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.349.101.997	3.748.532.436
- Chiết khấu thương mại	22.086.860	115.319.967
- Giảm giá hàng bán	26.334.153	-
- Hàng bán bị trả lại	1.235.683.383	3.018.541.629
- Thuế xuất khẩu	1.064.997.601	614.670.840
Doanh thu thuần	2.243.045.625.388	2.369.047.466.413

5.23 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn bán hàng hóa	1.994.969.910.917	2.045.901.451.066
Giá vốn kinh doanh bất động sản	104.558.905.676	164.005.091.567
Giá vốn cung cấp dịch vụ	25.792.591.400	40.562.849.366
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.224.716.972)	3.783.788.547
Tổng	2.121.096.691.021	2.254.253.180.546

5053 TC
CÔNG TY
DANH
TOÁN
T N A
IV - TP

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.24 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.779.147.852	2.434.702.189
Cổ tức, lợi nhuận được chia	27.336.948.710	53.470.022.650
Lãi bán hàng trả chậm	10.728.863.880	14.898.348.646
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.540.018.531	3.113.518.748
Chiết khấu thanh toán	725.888.135	-
Tổng	44.110.867.108	73.916.592.233

5.25 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	23.852.619.330	17.383.672.874
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	623.961.267	-
Lãi phát sinh tại dự án Tân Uyên	1.556.973.054	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện (Hoàn nhập)/ Trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.055.602.799	12.923.769.594
	(6.930.441.490)	26.804.167.359
Chi phí hoạt động tài chính khác	446.870	196.619
Tổng	20.159.161.830	57.111.806.446

5.26 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên	312.453.925	809.342.579
Chi phí vật liệu, bao bì	6.225.000	8.469.546
Chi phí khấu hao TSCĐ	15.464.972	46.394.917
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.544.343.403	41.672.098.254
Chi phí bằng tiền khác	1.781.976.779	3.777.332.068
Tổng	41.660.464.079	46.313.637.364

5.27 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	39.814.248.812	29.684.007.669
Chi phí vật liệu quản lý	288.447.999	968.158.909
Chi phí đồ dùng văn phòng	490.157.709	506.711.154
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.241.829.310	974.337.874
Thuế, phí và lệ phí	1.899.201.047	367.317.548
Chi phí dự phòng	8.532.875.301	8.139.047.263
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.752.421.904	9.049.283.678
Chi phí bằng tiền khác	11.232.698.904	45.786.699.404
Tổng	79.251.880.986	95.475.563.499

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.28 THU NHẬP/CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, công cụ	512.363.636	10.213.639.130
Chênh lệch barem thép	239.989.273	31.646.525.063
Thu từ triển lãm, bán phế liệu	631.959.082	455.383.970
Thu từ chậm tiến độ, bồi thường	531.696.333	2.181.770.868
Thu nhập từ việc nhập hàng khuyến mãi	3.819.029.442	-
Xử lý công nợ	1.052.095.191	-
Thu phí dịch vụ	876.643.968	-
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.148.188.838	-
Thu nhập khác	14.916.050.998	23.417.604.077
Tổng	23.728.016.761	67.914.923.108
Chi phí khác		
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	209.280.706	8.022.845.474
Chi hao hụt, xử lý kiểm kê, xử lý công nợ	119.661.234	622.344.836
Chi phí kiểm toán chung cư 17 Hồ Hào Hớn	109.090.908	-
Chi phí khấu hao tương ứng với phần diện tích chưa sử dụng	364.108.757	-
Chi phí thiết kế và triển lãm Vietbuild	532.470.749	740.241.083
Chi phí do phạt hành chính	240.274.769	-
Chi phí do bị truy thu thuế	632.100.375	-
Các chi phí khác	1.110.297.486	3.244.206.275
Tổng	3.317.284.984	12.629.637.668
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	20.410.731.777	55.285.285.440

053
 NG T
 P D A
 M T I
 T N
 GIẤY

5.29 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán	45.399.026.357	45.095.156.231
Các khoản điều chỉnh tăng	2.851.826.471	2.813.594.283
Các khoản điều chỉnh giảm	27.336.948.710	53.645.423.222
Thu nhập chịu thuế	20.913.904.118	(5.736.672.708)
Lợi nhuận kinh doanh bất động sản	1.916.796.150	1.621.328.675
Lợi nhuận sản xuất kinh doanh	18.997.107.968	(7.358.001.383)
Lỗi các năm trước chuyển sang	6.195.337.829	-
Thu nhập tính thuế		
Kinh doanh bất động sản	1.916.796.150	-
Sản xuất kinh doanh	12.801.770.139	-
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	25%	25%
Thuế TNDN đối với kinh doanh bất động sản	479.199.038	405.332.169
Thuế TNDN đối với hoạt động sản xuất KD	3.200.442.535	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.679.641.573	405.332.169

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên cơ sở lợi nhuận kế toán đã loại trừ một số khoản điều chỉnh tăng, giảm theo quy định của các văn bản hiện hành về thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong trường hợp số thuế nêu trên có sự khác biệt với số thuế do cơ quan thuế quyết định, các chênh lệch sẽ được điều chỉnh bổ sung.

Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế để xác định thu nhập chịu thuế là các khoản chi phí không có hóa đơn, chứng từ theo chế độ quy định, các khoản tiền phạt, thuế bị truy thu đã tính vào chi phí trong năm.

Các khoản điều chỉnh giảm Lợi nhuận kế toán trước thuế để xác định thu nhập chịu thuế là cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên kết và các khoản đầu tư khác trong năm.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.



TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Mua hàng				
Công ty Cổ phần Phước Hòa Fico	Công ty con	Mua hàng	4.631.919.380	2.181.104.815
Công ty Cổ phần CK XD Tân Định - Fico	Công ty con	Mua hàng	7.617.913.046	16.933.086.195
		Ứng trước - Công trình cầu thang tòa nhà Horizon	-	930.000.000
		Tiền điện, nước, thuê nhà xưởng	2.549.462.622	-
Công ty Cổ phần Xi măng Fico Tây Ninh	Công ty con	Mua hàng	43.399.875.908	119.702.740.039
		Giảm khoản ứng trước tăng vốn đầu tư	38.921.411.249	-
Tổng			97.120.582.205	139.746.931.049
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Bán hàng				
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định - Fico	Công ty con	Bán hàng	2.486.475.376	1.810.195.912
Công ty Cổ phần Xi măng Fico Tây Ninh	Công ty con	Bán thạch cao	35.381.842.737	67.587.315.503
		Bán vỏ bao	40.327.877.340	-
		Cho thuê văn phòng và mặt bằng	1.800.000.000	-
		Triển lãm Vietbuild	90.909.091	-
Công ty Cổ phần Phước Hòa Fico	Công ty con	Triển lãm Vietbuild	18.181.818	-
Tổng			80.105.286.362	69.397.511.415
Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giao dịch khác				
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định - Fico	Công ty con	Phải trả chi phí thuê xe, mặt bằng	50.447.959	-
Công ty Cổ phần Xi măng Fico Tây Ninh	Công ty con	Phải thu lãi ứng trước tiền hàng	1.638.194.446	-
		Phải thu khoản hỗ trợ của nhà phân phối và chiết khấu thanh toán	949.861.533	-
Tổng			2.638.503.938	-

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - TNHH MỘT THÀNH VIÊN
 VĂN PHÒNG TỔNG CÔNG TY VÀ CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

6.1 THÔNG TIN CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2012 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Số dư phải thu				
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định - Fico	Công ty con	Mua phụ tùng sen vòi	16.558.653.956	14.063.460.645
		Ứng trước - Công trình cầu thang tòa nhà Horizon	-	930.000.000
		Ứng trước người bán	132.760.130	16.351.743.280
Công ty Cổ phần Xi măng Fico Tây Ninh	Công ty con	Phải thu	11.650.214.644	31.601.276.180
Công ty Cổ phần Phước Hòa Fico	Công ty con	Phải thu khác	2.485.305.833	2.385.305.833
		Phải thu tiền hàng	-	2.639.256.503
Tổng			30.826.934.563	67.971.042.441

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Phải trả nhà cung cấp				
Công ty CP Phước Hòa Fico	Công ty con	Phải trả	4.544.145.184	2.639.256.503
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định - Fico	Công ty con	Phải trả	2.310.377.784	2.394.732.635
Công ty Cổ phần Xi măng Fico Tây Ninh	Công ty con	Phải trả tiền hàng	6.968.673.192	12.052.787.233
Tổng			13.823.196.160	17.086.776.371

0150
 CÔNG
 TYP
 EM
 IẾT
 GIẢ

6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.16, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	122.923.985.409	53.422.260.200
Phải thu khách hàng và phải thu khác	495.748.584.856	346.651.549.928
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.054.000.000	21.554.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	29.687.623.908	29.813.900.181
Tổng	657.414.194.173	451.441.710.309
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	277.527.185.244	229.148.149.875
Phải trả người bán và phải trả khác	330.292.466.781	205.869.156.225
Chi phí phải trả	37.153.293.899	38.984.844.430
Tổng	644.972.945.924	474.002.150.530

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính tuy nhiên Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Hiện nay thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ. Theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Tên khoản mục	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	1/1/2012	31/12/2012	1/1/2012
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	166.994.607.226	130.043.167.300	42.587.822.027	13.829.385.120

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản cho các bên liên quan vay dài hạn. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư cho vay các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 5.16.

6.2 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

Tại 31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	330.292.466.781	-	330.292.466.781
Chi phí phải trả	37.153.293.899	-	37.153.293.899
Các khoản vay	277.527.185.244	-	277.527.185.244

Tại 01/01/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả khách hàng và phải trả khác	205.869.156.225	-	205.869.156.225
Chi phí phải trả	38.984.844.430	-	38.984.844.430
Các khoản vay	229.148.149.875	-	229.148.149.875

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	122.923.985.409	-	122.923.985.409
Phải thu khách hàng và phải thu khác	495.748.584.856	-	495.748.584.856
Đầu tư tài chính khác	9.054.000.000	29.687.623.908	38.741.623.908

Tại 01/01/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.422.260.200	-	53.422.260.200
Phải thu khách hàng và phải thu khác	346.651.549.928	-	346.651.549.928
Đầu tư tài chính khác	21.554.000.000	29.813.900.181	51.367.900.181



6.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.



Nguyễn Đức Dũng

Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 05 năm 2013

Đào Quang Sơn

Kế toán trưởng

